



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

03(77) 2022

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng
Ủy viên Bộ Chính trị
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền
Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính
Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ
--

GS.TS. Đỗ Hoài Nam
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe
CN. Lưu Thị Diệu Hiền

C V R S S

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 2 tháng 1 kỳ

Số 03 năm 2022

Năm thứ mười lăm

Mục lục

Ảnh hưởng của năng lực lãnh đạo đến văn hóa doanh nghiệp tạo động lực làm việc cho người lao động tại FPT Software Đà Nẵng <i>Bùi Thị Minh Thu</i>	3
Thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất ở Việt Nam <i>Nguyễn Thị Thoa</i>	15
Biện pháp nâng cao ý thức tự phòng tránh bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Gia Lai <i>Hoàng Việt Trung</i>	27
Nghiên cứu khảo cổ học dưới nước ở vùng biển Quảng Ngãi trong những năm gần đây <i>Trần Quý Thịnh, Lê Hải Đăng, Lê Việt Thuận</i>	37
Vận tải hàng hóa bằng đường biển ở tỉnh Bình Định (cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX) <i>Đinh Thị Thảo</i>	48
Hàm Rỗng, từ địa danh văn hóa đến không gian du lịch <i>Lê Thanh Hà</i>	58
Nghi thức “Làm phép ghe” trong Lễ bốn mạng Thánh Phêrô của cộng đồng ngư dân vùng biển thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận <i>Võ Thị Ngọc Thanh</i>	67
Xu hướng đổi mới trong văn chương Tản Đà - nhìn từ phương diện tư duy nghệ thuật <i>Lê Thanh Sơn</i>	75

Giấy phép xuất bản số 104/GP – BTTTT cấp ngày 22 tháng 4 năm 2013

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 250 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 03 năm 2022

In tại Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Đà Nẵng

Số 2, Lý Thường Kiệt - P. Thạch Thang - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng * ĐT: 0236.3821038; Nộp lưu chiều tháng 06/2022

Contents

The impact of leadership capacity on corporate culture creating work motivation for FPT Software employees in Da Nang <i>Bui Thi Minh Thu</i>	3
Implementing extended producer responsibility in Viet Nam <i>Nguyen Thi Thoa</i>	15
Raising awareness of self-defence for violence prevention and child sexual abuse in ethnic minority groups in Gia Lai province <i>Hoang Viet Trung</i>	27
Recent research on underwater archeology in Quang Ngai coast <i>Tran Quy Thinh, Le Hai Dang, Le Viet Thuan</i>	37
Sea freight transport in Binh Dinh province (from the end of the 19th century to the beginning of the 20th century) <i>Dinh Thi Thao</i>	48
Ham Rong historical cultural relic, a cultural landmark and a tourism spacedestination <i>Le Thanh Ha</i>	58
The ceremony of “boat ritual” in “the Feast of Saint Peter” by the fishermen community in La Gi town, Binh Thuan province <i>Vo Thi Ngoc Thanh</i>	67
Innovative trend in Tan Da’s literature - From an artistic thinking approach <i>Le Thanh Son</i>	75

Lindhqvist, T., & Lidgren, K. (1990). Modeller för Förlängt producentansvar [Model for extended producer responsibility]. *Ministry of the Environment, Från vaggan till graven—sex studier av varors miljöpåverkan*, 7-44.

Nguyễn Thi (2021). Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất. Truy xuất từ https://www.iucn.org/sites/dev/files/content/documents/epr_brochure_-_vn_-_final.pdf, ngày 28/02/2022.

Nguyễn Hằng (2021). Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất: Sự phát triển trên thế giới và những quy định tại Việt Nam. Truy xuất từ <https://tapchimoitruong.vn/dien-dan--trao-doi-21/trach-nhiem-mo-rong-cua-nha-san-xuat-su-phat-trien-tren-the-gioi-va-nhung-quy-dinh-tai-viet-nam-26179>, ngày 27/2/2022.

OECD (2016). Extended Producer Responsibility: Updated Guidance for Efficient Waste Management, *OECD Publishing*, Paris. Truy xuất từ <http://dx.doi.org/10.1787/9789264256385-en>, ngày 27/2/2022.

OECD (2021) Extended Producer Responsibility, truy xuất từ <https://www.oecd.org/environment/waste/extended-producer-responsibility.htm>, ngày 25/2/2022

Pascal Renaud, Fanny Quertamp (2020). Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất đối với rác thải, bao bì ở Việt Nam. France.

United Nations/Basel Convention (2019). Revised draft practical manual on Extended Producer Responsibility. Section II. UNEP/CHW.14/5/Add. Truy xuất từ <http://www.basel.int/TheConvention/ConferenceoftheParties/%20Meetings/COP14/tabid/7520/Default.aspx>, ngày 27/2/2022.

Văn Toàn (2021). Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất là động lực thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. Truy xuất từ <https://nhandan.vn/moi-truong/trach-nhiem-mo-rong-cua-nha-san-xuat-la-dong-luc-thuc-day-nen-kinh-te-tuan-hoan-672516/>, ngày 26/2/2022.

Biện pháp nâng cao ý thức tự phòng tránh bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Gia Lai

Hoàng Việt Trung

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai

Email liên hệ: viettrung88.quynhon@gmail.com

Tóm tắt: Bạo lực trẻ em và xâm hại tình dục trẻ em ở tỉnh Gia Lai đang trở thành vấn đề nhức nhối trong đời sống xã hội hiện nay. Nghiêm trọng hơn, thực trạng bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em đang có dấu hiệu tăng lên ở vùng dân tộc thiểu số của tỉnh Gia Lai trong những năm gần đây. Bằng phương pháp điều tra xã hội học và thực nghiệm, bài viết này tập trung làm rõ thực trạng bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em ở tỉnh Gia Lai từ năm 2019 đến năm 2021. Trên cơ sở đó đưa ra giải pháp giáo dục nâng cao ý thức tự phòng tránh xâm hại cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 13 đến 15 tuổi bằng hình thức truyện tranh.

Từ khóa: bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, vùng dân tộc thiểu số, truyện tranh.

Raising awareness of self-defence for violence prevention and child sexual abuse in ethnic minority groups in Gia Lai province

Abstract: In Gia Lai, violence against children and child sexual abuse has been becoming a burning issue in present-day society. More seriously, the situation has recently increased in ethnic minority agroups in Gia Lai province. Applying sociological and experimental investigation, this article focuses on clarifying the reality of violence against children and child sexual abuse in ethnic minority groups in the province from 2019 to 2021. On that basis, the author suggests educational solutions to help children between the ages of 6 and 15 raise their awareness of abuse prevention in ethnic minority groups through comic books.

Keywords: violence, child sexual abuse, ethnic minority groups, comic books.

Ngày gửi bài: 09/03/2022

Ngày duyệt đăng: 10/06/2022

1. Đặt vấn đề

Chăm sóc và giáo dục trẻ em là một sự nghiệp vô cùng lớn lao và hệ trọng, quyết định tương lai của cả dân tộc. Vì thế, đã từ lâu Đảng, Nhà nước và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến chăm sóc và bảo vệ trẻ em. *Điều đó được minh chứng bằng sự kiện tháng 2 năm 1990, Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở Châu Á và là quốc gia thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em*, đến năm 2013 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã cụ thể hóa đường lối của Đảng bằng việc quy định rõ các quyền và bổn phận của trẻ em; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức trong việc bảo vệ quyền trẻ em. Hiến pháp coi quyền trẻ em là một bộ phận của quyền con người. Năm 2016, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Luật trẻ em gồm 7 Chương và 106 Điều, trong có quy định rõ 25 điều về quyền trẻ em.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói chung, nhất là vùng dân tộc thiểu số nói riêng tình trạng xâm hại trẻ em vẫn còn xuất hiện và chưa có dấu hiệu dừng lại. Những hệ lụy do xâm hại trẻ em để lại không những ảnh hưởng trực tiếp đến thể

chất của trẻ mà còn ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ với các hội chứng trầm cảm, tự ti, rối loạn sức khỏe, tâm thần (Nguyễn Minh Giang, 2020, tr.58). Do vậy, cần phải có các giải pháp hữu hiệu để nâng cao nhận thức cho trẻ em người dân tộc thiểu số ở Gia Lai trong việc tự phòng tránh bạo lực và xâm hại tình dục (XHTD) trẻ em.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khái niệm xâm hại trẻ em

Theo tổ chức Y tế thế giới “*Xâm hại trẻ em bao gồm mọi hình thức ngược đãi về thể chất và tinh thần như: Xâm hại tình dục, xao nhãng, bóc lột gây ra những thương tổn về sức khỏe, tính mạng, khả năng phát triển hay phẩm giá bằng cách lợi dụng chức phận, lòng tin hoặc quyền hạn*” (Dự án tuổi thơ và tầm nhìn thế giới, 2010, tr.2). Theo cách định nghĩa này, tổ chức Y tế thế giới cho rằng xâm hại trẻ em gồm có 4 hình thức như: Xâm hại thể chất, xâm hại tinh thần, xâm hại tình dục và xao nhãng trẻ em.

Tại khoản 5, Điều 4 Luật trẻ em năm 2016 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 đã định nghĩa: “*Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tinh cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác*”(Luật trẻ em, 2016, tr.5). Theo đó, xâm hại trẻ em bao gồm 4 hình thức như sau:

Bạo lực trẻ em là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của trẻ.

Bóc lột trẻ em là hành vi bắt trẻ em lao động trái quy định của pháp luật về lao động; trình diễn hoặc sản xuất sản phẩm khiêu dâm; tổ chức, hỗ trợ hoạt động du lịch nhằm mục đích xâm hại tình dục trẻ em; cho, nhận hoặc cung cấp trẻ em để hoạt động mại dâm và các hành vi khác sử dụng trẻ em để trục lợi.

Xâm hại tình dục trẻ em là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, dâm ô, giao cấu với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.

Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em là hành vi của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

Như vậy, khái niệm Xâm hại trẻ em của tổ chức Y tế thế giới và Luật trẻ em của Việt Nam đều khẳng định đây là một phạm trù lớn với nhiều hình thức khác nhau, song có chung nhận định rằng xâm hại trẻ em là hành vi làm ảnh hưởng, gây tổn thương đến thể chất và tinh thần của trẻ em. Trong số các hành vi cấu thành xâm hại trẻ em thì bạo lực trẻ em và XHTD trẻ em là những hành vi nổi bật trong đời sống xã hội thời gian vừa qua, thậm chí những hành vi này đang trở thành vấn đề nổi cộm trong xã hội cần phải có sự vào cuộc của nhà nước và pháp luật.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu điển đã được tiến hành tại hai trường trung học cơ sở (THCS) thuộc huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, đồng thời khảo sát tình hình xâm hại trẻ em trên địa bàn toàn tỉnh Gia Lai từ năm 2019 đến năm 2021 nhằm làm rõ: 1/Thực trạng bạo lực và XHTD trẻ em ở tỉnh Gia Lai; 2/Tìm hiểu mức độ nhận thức của trẻ em vùng dân tộc thiểu số về kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi trong việc tự phòng tránh bạo lực và XHTD trẻ em; 3/Khảo nghiệm và đánh giá tác động của biện pháp can thiệp về phòng tránh bạo lực và XHTD trẻ em tại vùng dân tộc thiểu số ở Gia Lai bằng hình thức truyện tranh.

Nghiên cứu này còn được tiến hành bằng phương pháp thực nghiệm đối với 200 học sinh bậc THCS ở vùng dân tộc thiểu số huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, trong đó có 150 học sinh người Jrai và 50 học sinh người Kinh. Mẫu khảo sát và thực nghiệm được lựa chọn ngẫu nhiên, trong đó có 100 học sinh trường THCS Kpă Klông được chọn làm nhóm thực nghiệm (TN), 100 học sinh trường THCS Ngô Quyền được chọn làm nhóm đối chứng (ĐC).

Biện pháp tác động được nhóm nghiên cứu sử dụng là “Truyện tranh giáo dục ý thức tự phòng tránh bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em”, truyện tranh là công trình do tác giả tự nghiên cứu, thiết kế và biên tập trên cơ sở thu thập, phân tích các ngữ liệu gắn liền với đặc điểm dân cư, kinh tế xã hội, phong tục văn hóa, nhất là phân tích tính chất, hình thức xâm hại của những vụ xâm hại trẻ em ở vùng dân tộc thiểu số tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thực nghiệm, truyện tranh được lồng ghép vào môn Giáo dục công dân qua các bài Tự lập; bài Tự nhận thức bản thân; bài Ứng phó với tình huống nguy hiểm; bài Quyền trẻ em, ngoài ra biện pháp này còn được thực nghiệm trong hai tiết hoạt động trải nghiệm và một hoạt động ngoại khóa về giáo dục giới tính tại trường THCS Kpă Klông (trường Thực nghiệm) để khảo sát và thu thập dữ liệu đánh giá về mức độ nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh phục vụ cho việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của giải pháp tác động.

Cấu trúc của cuốn truyện tranh được chia thành 5 phần chính in màu với những hình ảnh, nhân vật phù hợp với lứa tuổi học sinh trung học, bảo đảm tính giáo dục và tính thẩm mỹ, góp phần phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh:

Phần 1. Những hình thức xâm hại trẻ em (Phần này sẽ giúp các em phân loại các hành vi xâm hại trẻ em theo quan điểm của Luật trẻ em 2016. Truyện thiết kế gồm nhiều tuyến nhân vật như học sinh, giáo viên, phụ huynh cùng xoay quanh vấn đề nhận biết các hình thức xâm hại trẻ em).

Phần 2. Nhận biết những hành vi bạo lực và xâm hại trẻ em (Diễn tả 4 hành vi dẫn đến bạo lực trẻ em và chỉ ra 8 hành vi dẫn đến XHTD trẻ em).

Phần 3. Nhận diện thủ phạm bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em (Phần này, sẽ giúp các bạn đọc nhận diện 4 nhóm đối tượng được xem là thủ phạm của các vụ bạo lực trẻ em và 6 nhóm đối tượng dẫn đến XHTD trẻ em thông qua các hình ảnh sinh động và lời thoại hấp dẫn).

Phần 4. Nhận diện dấu hiệu trẻ bị bạo lực, xâm hại tình dục (Truyện tranh đã chỉ ra 4 dấu hiệu nhận biết khi trẻ bị bạo lực và 8 dấu hiệu cho biết khi trẻ bị XHTD);

Phần thứ 5. Kỹ năng tự phòng tránh (Phần này, truyện tranh sẽ hướng dẫn các kỹ năng cơ bản để tự phòng tránh xâm hại như: từ chối, rời khỏi, cầu cứu và kỹ năng chia sẻ thông tin. Đồng thời cũng hướng dẫn 5 quy tắc ứng xử khi gặp phải các tình huống có nguy cơ dẫn đến xâm hại. Tất cả được truyền tải dưới hình thức truyện tranh và có sự đối thoại giữa các tuyến nhân vật rất gần gũi với học sinh).

Cơ sở để xuất giải pháp được dựa trên hai yếu tố như sau:

Thứ nhất, xuất phát từ phương diện giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Việc giáo dục kỹ năng sống, giáo dục giới tính được đề cập đến trong các nội dung hoạt động trải nghiệm. Theo đó, hoạt động trải nghiệm sẽ là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống, nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kỹ năng mới góp phần phát huy khả năng thích ứng với

cuộc sống. Do vậy, thiết kế các học liệu dưới dạng truyện tranh giáo dục kỹ năng sẽ dễ dàng hệ thống hóa kiến thức một cách khoa học, từ đó sẽ góp phần thực hiện mục tiêu của chương trình này đối với học sinh trung học.

Thứ hai: Xuất phát từ đặc điểm tâm lý của học sinh, ở lứa tuổi THCS, nhận thức của học sinh có những thay đổi lớn, chuyển từ quá trình tri giác sang quá trình quan sát. Vì vậy, cần phải rèn luyện cho các em óc quan sát, rèn luyện khả năng ghi nhớ, tái hiện thông tin cho trẻ. Để làm được điều đó phải tạo hứng thú đối với học sinh, thông qua các hoạt động đọc, quan sát, khám phá sẽ kích thích khả năng ghi nhớ có chủ đích cho học sinh, dần dần phát triển tư duy trừu tượng, lĩnh hội kiến thức hiệu quả và biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Do vậy, sử dụng truyện tranh để giáo dục kỹ năng phòng tránh XHTD trẻ em và bạo lực trẻ em sẽ mang lại hiệu quả tích cực đối với học sinh bậc THCS.

Sau khi thực nghiệm bằng giải pháp sử dụng truyện tranh giáo dục ý thức phòng tránh bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em, cả hai nhóm TN và ĐC được khảo sát lại bằng phiếu khảo sát thiết kế dưới dạng thang đo của Bloom để hỏi về mức độ nhận thức của học sinh trong việc tự phòng tránh xâm hại trẻ em và một phiếu khảo sát được thiết kế dưới dạng thang đo của Likert để hỏi về thái độ, hành vi của học sinh đối với giải pháp tác động. Tất cả dữ liệu thu thập được từ lần khảo sát này được xử lý bằng phần mềm SPSS20.0 để làm rõ giá trị trung bình, tần suất, tỉ lệ phần trăm và được kiểm chứng bằng phương pháp T-test độc lập (Independent Samples T-test) để kiểm định độ tin cậy của dữ liệu, sử dụng công thức tính mức độ ảnh hưởng của giải pháp tác động $ES_{(SMD)}$ dựa trên bảng thông số của Cô hen.

3. Thực trạng bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em ở vùng dân tộc thiểu số tỉnh Gia Lai

Ở Gia Lai, theo số liệu thống kê của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh cho thấy từ năm 2019 đến tháng 6 năm 2021 có 132 vụ xâm hại trẻ em, tình trạng này tăng liên tục trong những năm gần đây và chưa có dấu hiệu dừng lại. Cụ thể năm 2019 toàn tỉnh có 52 vụ xâm hại trẻ em trong đó số vụ XHTD trẻ em có 42 vụ chiếm 80,7% các vụ xâm hại trẻ em, số vụ bạo lực trẻ em có 6 vụ, chiếm 11,5%; các hành vi xâm hại khác có 4 vụ chiếm 7,69%. Năm 2020, Gia Lai ghi nhận 61 vụ xâm hại trẻ em, trong đó 56 vụ XHTD trẻ em và 04 trường hợp bạo lực trẻ em, 01 trường hợp xâm hại khác. Chỉ tính trong 6 tháng đầu năm 2021, trên địa bàn tỉnh Gia Lai phát hiện 19 vụ XHTD trẻ em, tăng 11,77% số vụ so với cùng kỳ năm 2020. Điều đáng chú ý là số vụ XHTD trẻ em diễn ra trong vùng dân tộc thiểu số cũng có tới 50/132 vụ chiếm 37,87% tổng số vụ xâm hại trẻ em trong toàn tỉnh. Địa bàn xảy ra nhiều vụ xâm hại trẻ em nhất là các xã vùng dân tộc thiểu số thuộc huyện Chư Prông, huyện Đức Cơ, huyện Kông Chro, Huyện Chư Sê của tỉnh Gia Lai.

Xét theo giới tính: Thực trạng xâm hại trẻ em ở Gia Lai diễn ra cả ở trẻ em Nam và trẻ em Nữ. Trong đó, số vụ xâm hại trẻ em diễn ra ở trẻ em Nữ cao hơn nhiều lần so với trẻ em Nam. Tính chung trên địa bàn tỉnh Gia Lai, trong tổng số 132 vụ xâm hại trẻ em thì số trẻ em Nữ có 99 vụ chiếm 75%, các em chính là nạn nhân của các vụ XHTD trẻ em. Riêng số trẻ em Nam chiếm 33/132 vụ, chủ yếu rơi vào các trường hợp xâm hại về thể chất, bạo lực trẻ em, bỏ rơi trẻ em.

Xét theo độ tuổi: Kết quả nghiên cứu thực trạng xâm hại trẻ em ở Gia Lai từ năm 2019 đến 2021 đã chỉ ra rằng, nạn nhân của các vụ xâm hại nằm trong độ tuổi từ 1 đến 15 tuổi. Trong đó độ tuổi từ 1 đến 5 tuổi bị xâm hại chiếm số lượng rất ít chỉ có 10/132 trẻ chiếm 7,6%, trong khi đó từ độ tuổi 6 đến 13 có 31/132 trẻ chiếm 23,5% số vụ xâm hại trẻ em. Độ tuổi ghi nhận có nhiều vụ xâm hại nhất là từ 13 đến 15 tuổi với 91/132 trẻ chiếm 68,9%.

Bảng 1: Xâm hại trẻ em phân hóa theo độ tuổi ở Gia Lai từ 2019 đến 6/2021

Năm	Tổng số (Người)	Nhóm độ tuổi					
		1-5 tuổi	Tỉ lệ %	6-13 tuổi	Tỉ lệ %	13-15 tuổi	Tỉ lệ %
2019	52	4	7,7	8	15,4	40	76,9
2020	61	5	8,2	16	26,2	40	65,6
2021	19	1	5,2	7	36,8	11	58
Tổng	132	10	7,6	31	23,5	91	68,9

(Nguồn: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai)

Với kết quả này, có thể khẳng định nạn nhân của các vụ xâm hại trẻ em phần lớn là các em đang theo học bậc tiểu học (TH) và THCS ở độ tuổi từ 6 đến 15 tuổi, trong đó độ tuổi THCS từ 13 đến 15 tuổi có số vụ trẻ bị xâm hại nhiều nhất. Đây là lứa tuổi có nhiều thay đổi về tâm sinh lý, nếu bị xâm hại sẽ ảnh hưởng lớn đến tâm lý, sức khỏe, thể chất của các em, từ đó để lại nhiều hệ quả cho bản thân, gia đình và xã hội. Các nghiên cứu tâm lý học đã chỉ ra rằng, một đứa trẻ nếu bị bạo hành nhiều lần thì bản tính của trẻ sẽ trở nên lì lợm, lấm lì và trẻ sẵn sàng đối đầu bằng bạo lực với các bạn của mình. Ngoài ra trẻ không phát triển được trí tuệ, thiếu trụi khả năng sáng tạo và tư duy trong não. Nhiều trường hợp vì bị bạo hành quá nhiều nên kéo theo sự thay đổi về tâm tính, khả năng nhìn nhận những mặt tốt – xấu trong xã hội bị ảnh hưởng, thậm chí trở nên vô cảm, lãnh đạm với mọi thứ xung quanh. Nặng hơn, trẻ có thể bị hoang tưởng, ảo giác, tâm trí bất ổn và xa lánh mọi người, phó mặc cuộc sống, không có ước mơ, hoài bão và mục đích, lý tưởng sống. Trẻ bị XHTD nhiều lần sẽ bị ám ảnh, lâu dài sẽ gặp vấn đề về giới tính như trầm cảm, rối loạn nhân cách, nghiêm trọng hơn là khi đứa trẻ đã bị XHTD thì có thể tiếp tục bị người khác xâm hại trong suốt quãng đời còn lại (Trần Thị Nga, 2018, tr.34). Nếu chưa dừng lại, XHTD trẻ em còn là nguyên nhân dẫn đến tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng dân tộc thiểu số có nguy cơ bùng phát.

4. Nhận thức của trẻ em ở vùng dân tộc thiểu số tỉnh Gia Lai về bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em

Qua khảo sát thực trạng nhận thức của 200 học sinh vùng dân tộc thiểu số về việc xác định thủ phạm và hành vi dẫn đến xâm hại trẻ em đã cho kết quả rằng nhận thức của học sinh vùng dân tộc thiểu số là rất thấp. Có 142/200 học sinh nhận thức chưa đúng về đối tượng gây ra các vụ bạo lực trẻ em, có 148/200 học sinh chưa trả lời đúng về đối tượng gây ra các vụ XHTD trẻ em. Bên cạnh đó, 175/200 học sinh vẫn chưa nhận thức đúng những hành vi dẫn đến xâm hại trẻ em. Kết quả nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng có đến 135/200 học sinh chưa nhận thức đúng các dấu hiệu có nguy cơ dẫn đến XHTD trẻ em và 145/200 học sinh chưa nhận thức đúng dấu hiệu dẫn đến nguy cơ bạo lực trẻ em trong gia đình.

Bảng 2. Nhận thức của học sinh về xâm hại trẻ em

(Khảo sát trước tác động)

Nhóm câu hỏi	TT	NỘI DUNG CÂU HỎI	Tổng số phiếu (N)	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC			
				Nhóm Thực nghiệm 100 hs		Nhóm Đối chứng 100 hs	
				Đúng	Sai	Đúng	Sai
	1	Theo em, việc bố mẹ đánh đập con cái hàng ngày có phải là hành vi bạo lực trẻ em không?	200	16	84	42	58

Đối tượng	2	Theo em, người trong gia đình xâm hại tình dục trẻ em có vi phạm pháp luật không?	200	21	79	31	69
Hành vi	3	Theo em, việc bỏ rơi trẻ em, không quan tâm trẻ có phải là xâm hại trẻ em không?	200	11	89	14	86
	4	Theo em, hành vi người lạ sờ vào vùng nhạy cảm của mình có phải là xâm hại trẻ em không?	200	34	66	37	63
	5	Theo em, việc người khác nói xấu, miệt thị mình có phải là hành vi xâm hại trẻ em không?	200	26	74	31	69
Dấu hiệu nhận biết	6	Theo em, người nghiện bia rượu và chất gây nghiện có được xem là dấu hiệu dẫn đến xâm hại trẻ em không?	200	32	68	33	67
	7	Theo em, hành vi theo dõi trẻ một cách mờ ám có phải là xâm hại trẻ em không?	200	25	75	30	70

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Bảng 3. So sánh mức độ nhận thức của học sinh vùng dân tộc thiểu số ở Gia Lai về xâm hại trẻ em

Nhóm câu hỏi	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC							
	Nhóm học sinh người Jrai 150 (học sinh)				Nhóm học sinh người kinh 50 (học sinh)			
	Đúng	Tỉ lệ (%)	Sai	Tỉ lệ (%)	Đúng	Tỉ lệ (%)	Sai	Tỉ lệ (%)
Nhận biết về đối tượng có nguy cơ bị xâm hại trẻ em	49	32,7	101	67,3	37	74	13	26,0
Nhận biết về kỹ năng phòng tránh xâm hại trẻ em	32	21,4	118	78,6	39	78	11	22,0
Nhận biết về dấu hiệu trẻ bị xâm hại	45	30	105	70,0	20	40	30	60,0

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Cũng thông qua khảo sát đã cho thấy sự chênh lệch rất lớn trong nhận thức giữa học sinh người kinh và học sinh người Jrai về việc phòng tránh xâm hại trẻ em. Cụ thể, kết quả khảo sát trước khi tác động bằng biện pháp truyền tranh đối với 150 học sinh người Jrai và 50 học sinh người Kinh ở hai xã Ia Ga và xã Ia Pia cho thấy, khi hỏi về việc nhận biết các đối tượng có nguy cơ bị xâm hại trẻ em thì chỉ có 49/150 (chiếm 32,7%) học sinh Jrai trả lời đúng trong khi đó, học sinh người Kinh có 37/50 học sinh trả lời đúng (chiếm 74%); hoặc khi được

hỏi về những kỹ năng phòng tránh xâm hại trẻ em thì học sinh người Jrai chỉ có 32/150 (chiếm 21,4%) học sinh trả lời đúng trong khi đó có 39/50 học sinh người Kinh trả lời đúng nội dung câu hỏi.

Từ kết quả khảo sát ở bảng 2 và bảng 3 có thể đi đến khẳng định rằng phần đông học sinh vùng dân tộc thiểu số khi được khảo sát vẫn còn thiếu hoặc không có kiến thức, kỹ năng về phòng tránh bạo lực và xâm hại trẻ em. Đồng thời nhận thức của học sinh người Jrai và học sinh người kinh có sự chênh lệch khá lớn, điều này cho thấy vấn đề nâng cao nhận thức, kỹ năng tự phòng tránh xâm hại cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số nói chung, học sinh người Jrai nói riêng đang là yêu cầu cấp bách.

Nguyên nhân của việc học sinh thiếu hoặc chưa có kiến thức, kỹ năng tự phòng tránh bạo lực và XHTD trẻ em là bởi thiếu sự quan tâm và giáo dục của cha mẹ trong việc tự phòng tránh xâm hại. Cũng theo điều tra của nhóm nghiên cứu đối với 200 học sinh này đã chỉ ra rằng chỉ có 58/200 học sinh thường xuyên được bố hoặc mẹ hướng dẫn cách để phòng khi giao tiếp với người lạ. Chỉ có 65/200 học sinh được người thân trong gia đình hướng dẫn cách phòng tránh đối với những người có thói quen nghiện bia rượu và cũng chỉ có 71/200 học sinh được người thân hướng dẫn cách từ chối khi người lạ có hành vi sờ mó vào cơ thể mình.

Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng cho thấy, một phần nguyên nhân dẫn đến việc học sinh còn thiếu kiến thức về phòng tránh xâm hại tình dục và bạo lực trẻ em là vì chưa được giáo dục một cách đồng bộ và thường xuyên trong nhà trường. Ngoài ra, chương trình phòng chống xâm hại trẻ em đã tăng kể từ hơn 30 năm trước nhưng hiệu quả của chương trình đạt dưới mức trung bình. Cùng với đó khi kết thúc chương trình thì hầu như trẻ không tiếp tục tham gia vào các bài học nên hệ thống tri thức và kỹ năng bị lãng quên (Nguyễn Minh Giang, 2020, tr.58). Trên thực tế, chương trình giáo dục nhà trường hiện nay vẫn chưa có nội dung giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng trong chương trình giáo dục chính khóa, hầu hết các nội dung này chỉ được lồng ghép trong các môn sinh học hoặc môn giáo dục công dân. Mặt khác, hiện nay trong trường trung học ở vùng dân tộc thiểu số của tỉnh Gia Lai vẫn chưa có bộ phận tư vấn tâm lý học đường. Chính vì vậy, khi tiến hành khảo sát bằng phiếu điều tra xã hội học đối với 40 giáo viên tại hai trường TN và ĐC đã cho kết quả như sau: 100% giáo viên khi được khảo sát đều khẳng định hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh xâm hại trẻ em chỉ diễn ra thỉnh thoảng ở trường THCS, rất ít khi tổ chức thành các hoạt động ngoại khóa. Có 16/40 giáo viên chưa bao giờ tham gia trực tiếp hoạt động giáo dục kỹ năng phòng tránh xâm hại trẻ em, có 12/40 giáo viên chưa bao giờ tham gia một hoạt động ngoại khóa nào về giáo dục kỹ năng phòng tránh xâm hại trẻ em, có 14/40 giáo viên cho rằng chưa bao giờ hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu các kiến thức về tự phòng tránh xâm hại trẻ em.

Điều này càng cho thấy, nâng cao nhận thức cho học sinh THCS về ý thức tự phòng tránh xâm hại là điều cấp bách trong mỗi cơ sở giáo dục, mỗi gia đình hiện nay.

5. Đánh giá tác động của giải pháp đến sự thay đổi nhận thức của trẻ em vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Gia Lai

Kết quả khảo sát đánh giá tác động của biện pháp can thiệp đối với học sinh sau khi đọc “Truyện tranh giáo dục ý thức tự phòng tránh bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em” đã cho thấy, nhận thức của nhóm TN (*nhóm được trực tiếp đọc truyện tranh*) cao hơn nhiều so với nhóm ĐC (*Xem bảng 4*). Điều này cho thấy, việc đọc truyện tranh đã giúp cho học sinh nhóm TN có nhiều kiến thức hơn khi xác định hành vi và dấu hiệu nạn nhân bị xâm hại, đồng thời học sinh TN đã có nhiều kiến thức hơn trong việc xác định thủ phạm xâm hại cũng như lựa chọn kỹ năng phòng tránh so với học sinh nhóm ĐC (*nhóm không được đọc truyện tranh giáo dục ý thức tự phòng tránh bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em*).

Bảng 4. So sánh mức độ nhận thức của học sinh vùng dân tộc thiểu số sau khi tác động bằng giải pháp sử dụng truyện tranh

Yêu cầu cần đạt	Nội dung câu hỏi	Nhóm TN 100 HS		Nhóm ĐC 100HS	
		Đúng	Sai	Đúng	Sai
1. Xác định hành vi và dấu hiệu bị xâm hại	Theo em, hành vi nào dưới đây được xem là xâm hại thể chất trẻ em?	90	10	56	44
	Theo em, dấu hiệu nào dưới đây được coi là xâm hại tình dục trẻ em?	93	7	56	44
2. Xác định thủ phạm xâm hại	Đối tượng nào có nguy cơ trở thành thủ phạm gây ra các vụ xâm hại tình dục trẻ em?	92	8	52	48
3. Xác định kỹ năng phòng tránh	Khi bị người thân bạo hành, đánh đập em phải làm gì?	93	7	56	44
	Kỹ năng thương lượng, nhận diện cảm xúc, tìm kiếm nơi an toàn	93	7	56	44
	Điều quan trọng nhất giúp trẻ em không bị xâm hại là gì?	94	6	56	44

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Cụ thể, trong khi nhóm TN có 90-93% học sinh nhận thức đúng về hành vi và dấu hiệu nạn nhân bị xâm hại thì nhóm ĐC chỉ có 56% học sinh nhận thức đúng. Có 92% học sinh nhóm TN nhận thức đúng về thủ phạm xâm hại trẻ em trong khi đó nhóm ĐC chỉ có 52% học sinh nhận thức đúng mà thôi.

Đồng nghĩa với việc nâng cao về nhận thức thì kỹ năng của học sinh nhóm TN cũng cao hơn so với nhóm ĐC, có 94% học sinh nhóm TN đã biết đến các kỹ năng thương lượng, kỹ năng nhận diện cảm xúc, kỹ năng tìm kiếm nơi an toàn trong khi đó nhóm ĐC chỉ có 56% học sinh làm được điều đó.

Kiểm định T-test độc lập được tiến hành trên cơ sở dữ liệu được thu thập như bảng 4 nhằm đánh giá chính xác và mức độ tin cậy của biện pháp can thiệp trong việc nâng cao nhận thức cho học sinh vùng dân tộc thiểu số trong phòng tránh bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em giữa nhóm TN và nhóm ĐC đã cho ra kết quả như bảng 5 dưới đây (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019).

Bảng 5. So sánh kết quả thống kê nhận thức sau tác động

So sánh	Nhóm TN	Nhóm ĐC
Trung bình	6,0	4,3
Xác suất ngẫu nhiên (P)	0,0000000410648	
Mức độ ảnh hưởng của giải pháp (MSD)	0,8	

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Kết quả so sánh mức độ nhận thức của học sinh sau khi được tác động bằng truyện tranh như sau: Nhóm TN có giá trị trung bình là 6,0 trong khi nhóm ĐC chỉ có 4,3 đây là cơ sở cho thấy nhận thức của hai nhóm là hoàn toàn khác nhau sau khi được tác động bằng hình thức truyện tranh. Bên cạnh đó, ta thấy giá trị P (*tính xác suất ngẫu nhiên*) của hai nhóm bằng $P=0,0000000410648$ ($P<0,05$) chứng tỏ rằng đây là giá trị có nghĩa, sự thay đổi nhận thức của nhóm TN không phải là ngẫu nhiên mà hoàn toàn do tác động bằng giải pháp mà có.

Đồng thời, kết quả thu thập từ lần khảo sát này chỉ ra mức độ ảnh hưởng của giải pháp tác động $ES_{(SMD)} = 0,8$, so với bảng tham chiếu của Cohen giá trị nào nằm trong khoảng $0,8 < ES_{(SMD)} < 1,0$ thì có mức ảnh hưởng lớn. Từ đó, có thể đi đến kết luận rằng: Sau khi tiến hành giải pháp tác động trên nhóm TN thì sản phẩm truyện tranh đã góp phần nâng cao nhận thức cho học sinh THCS vùng dân tộc thiểu số ở Gia Lai.

Để đánh giá sự thay đổi về thái độ và hành vi của học sinh sau khi tác động bằng hình thức truyện tranh. Nhóm nghiên cứu thiết kế bảng hỏi dựa theo mẫu khảo sát dạng Bloom với 4 mức độ từ cao đến thấp (Bloom, B. S., 1956). Trong đó, có 03 câu hỏi về thái độ của học sinh và 02 câu hỏi về hành vi của học sinh sau khi đọc xong truyện tranh giáo dục kỹ năng phòng tránh xâm hại.

Bảng 6: Thái độ và hành vi của học sinh Thực nghiệm sau tác động

Nhóm câu hỏi	Nội dung khảo sát	Số phiếu	Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý
Nhóm câu hỏi về thái độ của học sinh	1. Em có hấp dẫn bởi những hình ảnh sinh động trong cuốn truyện tranh này?	100	87	12	1,0	0,0
	2. Em có cảm thấy rất hứng thú với những nội dung của cuốn truyện tranh này?	100	86	12	2,0	0,0
	3. Nội dung của cuốn truyện tranh này rất có ích với em?	100	89	10	1,0	0,0
Nhóm câu hỏi về hành vi	4. Em sẽ tuyên truyền nội dung của cuốn truyện tranh này đến bạn bè và người thân	100	82	12	6,0	0,0
	5. Em sẽ thường xuyên đọc cuốn truyện tranh này để có thêm kiến thức bảo vệ chính bản thân mình?	100	84	14	2,0	0,0

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Như vậy, có 87 % học sinh đã rất đồng ý với sự hấp dẫn của cuốn truyện tranh, 86% học sinh cảm thấy rất hứng thú cuốn truyện tranh này. Đặc biệt có 79% học sinh cho rằng cuốn truyện tranh này rất có ích đối với học sinh.

Ngoài ra, hành vi của học sinh sau khi được tác động bằng giải pháp sử dụng truyện tranh cũng thay đổi tích cực, có đến 82% học sinh cam kết sẽ tuyên truyền nội dung của cuốn truyện tranh này đến bạn bè và người thân, 84% học sinh cam kết sẽ thường xuyên đọc cuốn truyện tranh này để nâng cao kỹ năng phòng tránh xâm hại.

6. Kết luận

Thông qua giải pháp tác động bằng hình thức truyện tranh có thể khẳng định rằng sử dụng truyện tranh để giáo dục nhận thức cho học sinh vùng dân tộc thiểu số sẽ có sự ảnh hưởng lớn đến nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh trong việc tự phòng tránh bạo lực và XHTD trẻ em.

Kết quả nghiên cứu này cũng cho ta nhận định rằng: Từ hiệu quả của việc giáo dục ý thức tự phòng tránh bạo lực và XHTD trẻ em ở vùng dân tộc thiểu số của tỉnh Gia Lai sẽ góp phần đẩy lùi thực trạng xâm hại trẻ em ở vùng dân tộc thiểu số, vì vậy, cần nhân rộng mô hình giáo dục này đối với nhiều địa bàn vùng dân tộc thiểu số khác của tỉnh Gia Lai nói riêng và

trên cả nước nói chung, đặc biệt tại những địa bàn vùng sâu, vùng xa, nơi còn bị ràng buộc bởi nhiều hủ tục lạc hậu, điều kiện kinh tế, xã hội còn rất nhiều khó khăn, cũng như trình độ hiểu biết pháp luật của người dân còn chưa được cao.

Tuy nhiên, để có thể đẩy lùi triệt để vấn nạn xâm hại trẻ em cũng như để việc giáo dục nâng cao nhận thức tự phòng tránh xâm hại trẻ em bằng hình thức truyện tranh thực sự trở thành một giải pháp hữu hiệu thì cần phải có sự đồng tình của nhà trường và phụ huynh. Trong đó, nhà trường nên sử dụng truyện tranh giáo dục nhận thức, kỹ năng cho học sinh thông qua các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục lồng ghép với chương trình giáo dục đạo đức, giáo dục sức khỏe và giới tính để nâng cao nhận thức cho học sinh trong việc tự phòng tránh bạo lực và XHTDTE. Đối với gia đình, các bậc phụ huynh cũng nên sử dụng truyện tranh giáo dục nhận thức, kỹ năng cho học sinh để từ đó nâng cao nhận thức cho con em mình trong việc nhận biết các dấu hiệu, nguy cơ không an toàn hoặc có những kỹ năng xử lý khi gặp phải những tình huống có nguy cơ bị xâm hại.

Tài liệu tham khảo

Dự án tuổi thơ và Tổ chức tầm nhìn thế giới (2010). *Phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em*, Hà Nội.

Nguyễn Minh Giang (2020). Giáo dục phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh lớp 1 theo định hướng tìm tòi-khám phá. *Tạp chí Giáo dục*, Số 487 (Kì 1 - 10/2020), tr 58-64.

Quốc hội (2016). Luật trẻ em. NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Trần Thị Nga (2018). *Công tác xã hội nhóm trong phòng ngừa trẻ em có nguy cơ bị xâm hại tình dục*. Hà Nội.

Bộ giáo dục đào tạo (2019). *Dự án phát triển giáo dục giai đoạn 2 về hướng dẫn nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng*. Hà Nội.

Bloom, B. S. (1956). Phân loại tư duy cho các mục tiêu giáo dục: Phân loại các mục tiêu giáo dục: Quyển I, nhận thức về lĩnh vực.